

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN ĐỊA LÍ 7
NĂM HỌC: 2021 – 2022

TUẦN 1

Tiết 1

Phần 1. Nội dung ghi bài

Bài 1: DÂN SỐ

1. Dân số nguồn lao động

- Các cuộc điều tra dân số cho biết tình hình dân số, nguồn lao động của một địa phương, một quốc gia.
- Dân số được biểu hiện cụ thể bằng tháp tuổi.
- Tháp tuổi cho biết đặc điểm cụ thể của dân số qua giới tính, nguồn lao động hiện tại và tương lai của một địa phương.

2. Dân số Thế giới tăng nhanh trong Thế kỉ XIX-XX

- Dân số thế giới tăng nhanh trong 2 thế kỉ gần đây.
- Dân số thế giới tăng nhanh nhờ những tiến bộ trong các lĩnh vực kinh tế-xã hội và y tế

3. Sự bùng nổ dân số

- Từ những năm 50 của thế kỉ XX, bùng nổ dân số đã diễn ra ở các nước đang phát triển do các nước này giành được độc lập, đời sống được cải thiện và những tiến bộ về y tế
- Sự bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển đã tạo sức ép đối với việc làm, phúc lợi xã hội, môi trường, kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội,...

Tiết 2

Bài 2: SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ. CÁC CHỦNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI

1. Sự phân bố dân cư trên thế giới

- Dân cư phân bố không đều trên thế giới.
- Số liệu mật độ dân số cho biết tình hình phân bố dân cư của một địa phương, một nước.
- Dân cư tập trung đông ở đồng bằng châu thổ ven biển, những đô thị là nơi có KH tốt, điều kiện sinh sống, giao thông thuận tiện.

- Công thức tính mật độ dân số:

$$\frac{\text{Dân số (triệu người)}}{\text{Diện tích (km}^2\text{)}} = \text{Mật độ dân số (người/km}^2\text{)}$$

2. Các chủng tộc

Gồm 3 chủng tộc:

+ **Môngôlôit**: da vàng, tóc đen, mắt đen, mũi tẹt, sống chủ yếu ở Châu Á.

+ **Nêgrôit**: da màu đen đậm, tóc xoăn, mũi thấp, rộng, môi dày, sống chủ yếu ở Châu Phi, Nam Ấn Độ.

+ **Orôpêôit**: da trắng, tóc nâu hoặc vàng, mắt xanh hoặc nâu. Mũi cao, môi mỏng, sống chủ yếu Châu Âu, Trung Đông.

TUẦN 2

Tiết 3

Bài 3: QUẦN CƯ. ĐÔ THỊ HÓA

1. Quần cư nông thôn và quần cư nông nghiệp

a. Quần cư nông thôn

- Cách tổ chức sinh sống: Nhà cửa xen ruộng đồng, tập hợp thành làng xóm
- Mật độ dân cư: thưa
- Hoạt động kinh tế: nông-lâm - ngư nghiệp

b. Quần cư đô thị

- Nhà cửa xây thành phố, phường.
- Dân cư tập trung đông
- Hoạt động kinh tế: Sản xuất công nghiệp, dịch vụ

2. Đô thị hoá, siêu đô thị

- Đô thị xuất hiện sớm và phát triển mạnh nhất ở TK XIX, lúc công nghiệp phát triển.
- Nhiều đô thị phát triển nhanh chóng trở thành siêu đô thị.
- Số siêu đô thị càng tăng ở các nước đang phát triển của châu Á và Nam Mỹ.
- Ngày nay số người sống trong đô thị chiếm 50% dân số thế giới.

Tiết 4

Bài 4. THỰC HÀNH: PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ DÂN SỐ VÀ THÁP

Bài tập 1

- Nơi có mật độ dân số cao nhất là: Thị xã Thái Bình. Mật độ dân số là: >3000 người/km²
- Nơi có mật độ dân số thấp nhất là: Huyện Tiền Hải. Mật độ dân số là <1000 người/km²

Bài tập 2

- Hình dáng tháp: Đáy tháp thu hẹp, thân và đỉnh phình ra.
- Nhóm tuổi dưới lao động giảm tỉ lệ.
- Nhóm tuổi trong và quá tuổi lao động tăng tỉ lệ.

Bài tập 3

- Đông dân: Nhật Bản, Đông TQ, Ấn Độ... hoặc Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á, khu vực ven biển, ven sông.

- Thưa dân: Khu vực trung tâm, Tây Á, Bắc Á
- Đô thị lớn phân bố ở ven biển, ven sông vì:
- + Điều kiện tự nhiên (nước, vị trí, khí hậu, địa hình...) thuận lợi cho cư trú, sản xuất
- + Cơ sở hạ tầng phát triển, kinh tế, trình độ phát triển cao...

TUẦN 3

Tiết 5

Bài 5: ĐỚI NÓNG. MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẤM

I. Đới nóng

- Nằm giữa hai chí tuyến.
- Gió động – thực vật rất phong phú.
- Đới nóng là khu vực đông dân của thế giới
- Đới nóng có 4 kiểu môi trường: môi trường xích đạo ẩm, môi trường nhiệt đới, môi trường nhiệt đới gió mùa, môi trường hoang mạc.

II. Môi trường xích đạo ẩm

1. Khí hậu

- Nằm trong khoảng từ 5°B-5°N
- Khí hậu nóng ẩm quanh năm.
- Biên độ nhiệt thấp: 3°C.
- Nhiệt độ TB: Từ 25°C- 28 °C
- Lượng mưa TB: 1500 -2500mm.
- Độ ẩm >80%.

2. Rừng rậm xanh quanh năm

- Rừng rậm xanh quanh năm vùng cửa sông và biển có rừng ngập mặn
- Rừng nhiều loại cây, nhiều tầng, rậm rạp
- Động vật rất phong phú, đa dạng, sống trên khắp các tầng rừng rậm

Tiết 6

Bài 6 MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI

1. Khí hậu

- Vị trí: Nằm trong khoảng vĩ tuyến 5° đến 30° ở hai bán cầu
 - Khí hậu:
 - + Nhiệt độ trung bình >20°C
 - + Mưa tập trung vào một mùa
 - + Càng gần chí tuyến biên độ nhiệt càng lớn, lượng mưa trung bình giảm dần.
- Thời kỳ khô hạn kéo dài.

2. Các đặc điểm khác của môi trường

- Thực vật thay đổi theo mùa: xanh tốt ở mùa mưa, khô héo vào mùa khô
- Càng về hai chí tuyến thực vật càng nghèo nàn, khô cằn hơn: từ rừng thưa sang đồng cỏ đến nửa hoang mạc.
- Sông có hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn.
- Đất Peralít dễ bị xói mòn, rửa trôi nếu không canh tác hợp lý và rừng bị phá bừa bãi.
- Vùng nhiệt đới có đất và khí hậu thích hợp có nhiều loại cây công nghiệp.

TUẦN 4

Tiết 7

Bài 7: MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI GIÓ MÙA

1. Khí hậu

- Đông Nam Á và Nam Á là khu vực điển hình của môi trường nhiệt đới gió mùa. Hoạt động gió mùa làm thay đổi chế độ nhiệt và lượng mưa rõ rệt.
- Khí hậu nhiệt đới gió mùa có nhiệt độ và lượng mưa thay đổi theo mùa gió.
- Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, biên độ nhiệt trung bình 8°C.
- Lượng mưa trung bình trên 1500mm, mùa khô ngắn có lượng mưa nhỏ.
- Thời tiết diễn biến thất thường, hay gây thiên tai, lũ lụt, hạn hán.

2. Các đặc điểm khác của môi trường

- Môi trường nhiệt đới gió mùa là môi trường đa dạng, phong phú nhất đới nóng.
- Thích hợp trồng nhiều loại cây lương thực, cây công nghiệp.
- Đây là nơi tập trung dân cư đông đúc nhất thế giới

Tiết 8

Bài 10 : DÂN SỐ VÀ SỨC ÉP DÂN SỐ TỚI TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG

1. Dân số

- 50% dân số thế giới sống ở đới nóng.
- Dân số tăng tự nhiên nhanh và bùng nổ dân số, tác động xấu tới tài nguyên và môi trường.

2. Sức ép của dân số tới tài nguyên và môi trường

- Làm cho tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt, suy giảm.
- Chất lượng cuộc sống của người dân thấp.
- + Giảm tỉ lệ gia tăng dân số
- + Phát triển kinh tế
- + Nâng cao đời sống của dân sẽ tác động tích cực tới tài nguyên và môi trường.

Phần 2. Kiểm tra, đánh giá việc tự học

1. Thấp tuổi cho ta biết những đặc điểm gì của dân số?
2. Bùng nổ dân số thế giới xảy ra khi nào? Nêu nguyên nhân, hậu quả và phương hướng giải quyết bùng nổ dân số thế giới
3. Mật độ dân số là gì? Tính mật độ dân số năm 2011 của các nước trong bảng dưới đây và nêu nhận xét.

Tên nước	Diện tích (km ²)	Dân số (triệu người)
Việt Nam	329314	78,7
Trung Quốc	9597000	1273,3
In-đô-nê-xi-a	1919000	206,1

4. Dân cư trên thế giới thường sinh sống chủ yếu ở những khu vực nào? Tại sao?
5. Căn cứ vào đâu mà người ta chia dân cư trên thế giới ra thành các chủng tộc? Các chủng tộc này sinh sống chủ yếu ở đâu?
6. Nêu sự khác nhau cơ bản giữa quần cư nông thôn và quần cư thành thị?
7. Môi trường đới nóng phân bố chủ yếu trong giới hạn của các vĩ tuyến nào? Nêu tên các kiểu môi trường của đới nóng.
8. Môi trường xích đạo ẩm có những đặc điểm gì?
9. Qua đoạn văn dưới đây, nêu một số đặc điểm của rừng rậm xanh quanh năm:

“Cả tuần nay, chúng tôi len lỏi trong rừng cây rậm rạp, phải dùng dao vất vả lắm mới mở được một lối đi nhỏ hẹp. Những con kiến càng rơi từ trên cành lá xuống để lại trên da thịt chúng tôi những vết cắn rất bỏng. Trên đầu, chung quanh và dưới chân, cây cối và dây leo bao quanh bốn phía. Chúng tôi chỉ có mỗi một khát khao cháy bỏng: được nhìn thấy trời xanh, mây trắng và thoáng khỏi bầu không khí ngột ngạt, oi bức này”.

(Theo Giô-xép Gơ-li-ê)
10. Nêu đặc điểm của khí hậu nhiệt đới.
11. Giải thích tại sao đất ở vùng nhiệt đới có màu đỏ vàng?
12. Tại sao diện tích xavan và nửa hoang mạc ở vùng nhiệt đới đang ngày càng mở rộng?
13. Nêu đặc điểm nổi bật của khí hậu nhiệt đới gió mùa.
14. Trình bày sự đa dạng của môi trường nhiệt đới gió mùa.
15. Phân tích sơ đồ dưới đây để thấy hậu quả của việc gia tăng dân số quá nhanh ở đới nóng.



16. Hãy vẽ sơ đồ thể hiện tác động tiêu cực của việc gia tăng dân số quá nhanh ở đới nóng đối với tài nguyên, môi trường.